

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về gói thầu

1. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên dự toán: May lễ phục chu kỳ từ năm 2025 - 2027 cho cán bộ.
- Chủ đầu tư: Agribank chi nhánh Long Biên
- Tên gói thầu: May lễ phục chu kỳ từ năm 2025 - 2027 cho cán bộ.
- Nguồn vốn: Chi tiêu nội bộ của đơn vị
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hành cạnh tranh, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu kỹ thuật chung:

- Chất lượng hàng hóa: Cam kết thiết bị được sản xuất nguyên đai, nguyên kiện của chính Hãng sản xuất, mới 100%, sản xuất năm 2025 trở lại đây. Hàng hóa có nhãn mác, ký mã hiệu và đảm bảo theo quy định hiện hành, đầy đủ tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa.

- Nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa: Rõ ràng, hợp pháp. Có giấy chứng nhận xuất xứ C/O, giấy chứng nhận chất lượng C/Q đối với hàng hóa nhập khẩu; Phiếu xuất xưởng đối với hàng hóa sản xuất trong nước.

- Bảo hành: Nhà thầu phải có kế hoạch bố trí nhân sự, phương tiện, vật tư đảm bảo công tác bảo hành, bảo trì.

- Địa điểm bảo hành: Tại nơi sử dụng

- Nhà thầu phải có Biện pháp, quy trình, điều kiện bảo hành và đưa ra các địa điểm của các cơ sở bảo hành;

+ Thời gian khắc phục sự cố: Sau 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo qua kênh tiếp nhận thông báo và hỗ trợ (điện thoại, email hoặc hỗ trợ trực tiếp tại địa điểm sử dụng). Yêu cầu nhà thầu cung cấp thông tin liên hệ theo các kênh đã quy định.

1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

Thông số kỹ thuật của hàng hóa tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn theo bảng sau đây. Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu, hoặc thông số kỹ thuật độc quyền của nhà sản xuất nào đó (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật dưới đây để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu.

Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu, thông số kỹ thuật phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ “tương đương, tương tự và chủng loại, tính chất: có cùng chủng loại, tương tự về đặc tính kỹ thuật và tính

năng sử dụng với hàng hóa của gói thầu đang xét” hoặc tốt hơn, ưu việt hơn so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của HSMT.

TT	Nội Dung	Mô tả chi tiết
1	Áo Vest Nam (Màu vải theo quy định nội bộ, cùng màu với quần âu và áo gile)	<p>Kiểu áo vest 1 hàng 2 cúc, vạt tròn xẻ sườn 2 bên, cổ chữ V.</p> <p>Thân trước có 3 túi, 2 túi viền có nắp ở vạt dưới, thân trước bên trái có 1 túi coi bỏ chéo, tay áo có thừa khuyết và 4 cúc ở gấu tay.</p> <p>Lót áo bên trong có màu tương đồng với vải chính. Thân trước bên trong có 2 túi trong ngực, 1 túi đựng kính dưới eo.</p> <p>Thân trước được dụng mex, gai, có ken vai 2 bên.</p> <p>Ve cổ áo được đột pick stitching chỉ cùng màu.</p>
2	Quần âu Nam (Màu vải theo quy định nội bộ, cùng màu với áo vest và áo gile)	<p>Kiểu quần âu nam, kiểu cạp cong, thân trước không ly, 2 bên sườn có 2 túi chéo.</p> <p>Cạp quần kiểu quai nhê nhọn, có móc và cúc hãm kích cỡ bụng theo người mặc. Cửa quần may khóa kéo, bên trong có lót cạp, có dây cao su chống xô lệch khi sơ vin áo.</p> <p>Thân sau có 2 túi bỏ viền thừa khuyết cài cúc, gấu quần có dây dẹt, gấu được vắt ngầm bên trong.</p>
3	Áo gile nam (Màu vải theo quy định nội bộ, cùng màu với áo vest và quần âu nam)	<p>Áo gile là chiếc áo không tay, được thiết kế ôm gọn vào cơ thể.</p> <p>Áo có from dáng đứng, phần vai cắt gọn để không bị cộm khi mặc cùng áo khoác ngoài.</p> <p>Phần thân trước gồm hàng khuy từ 3-6 nút, tạo điểm nhấn thanh lịch. Thân sau áo làm bằng vải lụa mỏng và có dây kéo hoặc khóa điều chỉnh để siết ôm vòng eo, giúp áo mặc lên gọn gàng khi đứng và khi cài áo vest.</p>
4	Áo sơ mi Nam dài tay (Màu vải theo quy định nội bộ)	<p>Kiểu cách: Cổ đứng, nẹp bong, thân trước có 1 túi ngực, có chặn cài bút bên trong.</p> <p>Thân sau có cầu vai, không xếp ly vai. Áo dài tay có thép tay, cài măng séc vạt góc 2 bên, gấu áo có may cuộn theo thân áo</p>
5	Áo sơ mi Nam ngắn tay (Màu vải theo quy định nội bộ)	<p>Áo ngắn tay: kiểu cách may như áo dài tay. Áo ngắn tay có kiểu tay lật véo</p>
6	Áo Vest Nữ (Màu vải theo quy định nội bộ, cùng màu với juyp, quần âu)	<p>Kiểu áo vest 1 hàng 2 cúc vạt tròn, không xẻ, cổ ve nhọn, thân áo được thiết kế 4 mảnh. Thân trước phía dưới có 2 túi bỏ viền có nắp. Tay áo có đính 3 cúc cùng màu vải áo. Áo có lót cùng màu vải chính. Thân trước bên trong có 01 túi lót dưới eo. Áo thân trước có dụng mex, vai áo có ken vai bên trong.</p>
7	Quần âu Nữ (Màu vải theo quy định nội bộ, cùng màu với áo vest và juyp)	<p>Kiểu quần âu nữ, cạp cong, thân trước không ly. Thân trước có 2 túi chéo 2 bên sườn. Ống quần đứng. Cạp quần cong có quai nhê tròn có cúc và móc hãm theo cỡ bụng, có đĩa quần. Cửa quần may khóa kéo. Thân sau có 2 ly chìm, gấu quần được vắt ngầm bên trong.</p>
8	Juyp (màu vải theo quy định nội bộ, cùng	<p>Kiểu cách váy cạp cong 3 mảnh, thân trước có chiết ly và 1 túi coi đầu cạp bên phải. Thân sau có khóa kéo, xẻ sau, dài xẻ theo</p>

TT	Nội Dung	Mô tả chi tiết
	<i>màu với áo vest và quần âu nữ)</i>	đài váy, có lót trong cùng màu.
9	Áo sơ mi Nữ dài tay (Màu vải theo quy định nội bộ)	Kiểu áo cổ đứng, chần rời, nẹp khuyết bong. Thân trước có 2 ly eo và 2 ly gằm nách. Tay dài có thép tay và măng séc vát góc, gấu áo may cuộn theo thân áo.
10	Áo sơ mi Nữ ngắn tay (Màu vải theo quy định nội bộ)	Áo ngắn tay: Kiểu cách may như áo dài tay chỉ khác áo ngắn tay của tay máy lật ra ngoài máy ngầm.
11	Quần áo dài	<p>Áo dài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áo dài kiểu truyền thống - Cổ áo cao 3 cm - Tà chữ A, kích thước từ 55 cm – 60 cm (tùy thể trạng từng người), chiều dài tà áo ngắn hơn quần 5 cm – 10 cm (khi mặc vào) - Tay dài raglan, chiều dài tay áo đến mắt cá tay. - Thân trước có 2 ly ngực, thân sau có 2 ly lưng (không quá cao hoặc không quá thấp hơn so với eo) - Dây kéo giọt lệ phía sau cùng màu với áo <p>Quần dài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quần áo dài ống thẳng - Chiều dài quần tùy theo số đo mỗi người. - Lai quần (gấu quần) may nhỏ 3 mm <p>Dây kéo đàng trước, may ẩn, cùng màu quần.</p>

1.2.3. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải may trang phục:

*Tiêu chuẩn vải vest, quần, juyp, áo gile

TT	Chỉ tiêu		Phương pháp thử	Kết quả
1	Kiểu dệt		TCVN 4897:1989	Vân chéo 2/2
2	Độ dày (mm)		TCVN 5071:2007	0,30
3	Độ bền kéo đứt	Dọc (N)	TCVN 1754:1986 (Phương pháp băng vải)	542
		Ngang (N)		369
4	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải	Dọc (Ne)	TCVN 5095:1990	54,5/2
		Ngang (Ne)		32,1/1
			TCVN	

TT	Chỉ tiêu		Phương pháp thử	Kết quả	
5	Khối lượng thực tế (g/m ²)		8042:2009 (Lựa chọn C)	177	
6	Độ sù lông bề mặt và vón kết sau 16 000 vòng quay (cấp)		TCVN 7426-1:2004	4	
7	Mật độ	Dọc (sợi/10cm)	TCVN 1753:1986	412	
		Ngang (sợi/10cm)		376	
8	Thành phần nguyên liệu (%)		ISO/TR 11827:2012 TCVN 5465-1:2009 TCVN 5465-4:2009	Polyeste:30,6 Len:69,4	
9	Độ bền màu giặt C(3); 600C (cấp)	Thay đổi màu		4	
		Dây màu	Triaxetat	4-5	
			Bông	4-5	
			Polyamit	4	
			Polyeste	4-5	
			Acrylic	4-5	
Visco	4-5				
10	Thay đổi kích thước sau giặt 40 °C và làm khô (%)	Dọc	TCVN 8041:2009	-1,0	
		Ngang		-0,5	
11	Khả năng kháng khuẩn – Tỷ lệ suy giảm của vi khuẩn	Escheric hia coli ATCC 25922 (%)	AATCC TM100 -2019	0 giờ (B), CFU/mẫu	1,5 x 10 ⁵
				24 giờ (A), CFU/mẫu	< 1,0 x 10 ²
				% suy giảm (R)	> 99,9
		Staphylo coccus aureus ATCC 6538 (%)		0 giờ (B), CFU/mẫu	1,4 x 10 ⁵
				24 giờ (A), CFU/mẫu	< 1,0 x 10 ²
				% suy giảm (R)	> 99,9
		UPF trung bình		2000	
		Độ lệch chuẩn của UPF		0	
		UPF của mẫu		> 50	
		UVA trung bình (%)		0,05	

TT	Chỉ tiêu		Phương pháp thử	Kết quả
12	Khả năng bảo vệ tia UV (UPF)	Độ lệch chuẩn của UVA	EN 13758-1:2001 + A1:2006	0
		UVB trung bình (%)		0,05
		Độ lệch chuẩn của UVB		0
13	Độ chịu kiềm (ngâm trong dung dịch NaOH 20% sau 8h tiếp xúc)		TCVN 2604:1978 (Mục: 2.2.1)	Không có dấu hiệu hư hỏng
14	Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg)		TCVN 7421-	K.p.h

*** Tiêu chuẩn vải áo sơ mi trắng:**

TT	Chỉ tiêu		Phương pháp thử	Kết quả
1	Kiểu dệt		TCVN 4897:1989	Giắc ca
2	Độ dày (mm)		TCVN 5071:2007	0,26
3	Độ bền kéo đứt	Dọc (N)	TCVN 4897:1989 (Phương pháp băng vải)	806
		Ngang (N)		401
4	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải	Dọc (Ne)	TCVN 5095:1990	49,0/1
		Ngang (Ne)		43,6/1
5	Khối lượng thực tế (g/m ²)		TCVN 8042:2009 (Lựa chọn C)	150
6	Độ sù lông bề mặt và vón kết sau 16 000 vòng quay (cấp)		TCVN 7426-1:2004	4
7	Mật độ	Dọc	TCVN 1753:1986	656
		Ngang		400
8	Thành phần nguyên liệu (%)		ISO/TR 11827:2012 TCVN 5465-1:2009 TCVN 5465-2:2009 TCVN 5465-11:2009 TCVN 5465-12:2009	Polyeste:65,8 Rayon:30,6 Spandex:3,6
		Thay đổi màu		4-5
		-Triaxetat		5

TT	Chỉ tiêu		Phương pháp thử	Kết quả
9	Độ bền màu giặt C(3); 600C (cấp)	Dây màu	-Bông	4-5
			-Polyamit	4-5
			-Polyeste	5
			-Acrylic	4-5
			-Visco	4-5
10	Thay đổi kích thước sau giặt 40 °C và làm khô (%)	Dọc	TCVN 8041:2009	-1,0
		Ngang		0
11	Độ chịu kiềm (ngâm trong dung dịch NaoH 20% sau 8h tiếp xúc)		TCVN 2604:1978 (Mục: 2.2.1)	Không có dấu hiệu hư hỏng
12	Hàm lượng Formaldehyt		TCVN 7421-1:2013	K.p.h
13	Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo		TCVN 12512-1:2018	K.p.h

*** Thông số chất liệu vải áo dài màu đỏ dệt logo ngân hàng Agribank**

TT	Quy cách sản phẩm	Phương pháp thử	Thông số kỹ thuật	
1	Thành phần nguyên liệu		100% Polyester	
2	Kiểu dệt	TCVN 4897:1989	Dệt thoi Jacquard	
3	Độ bền kéo đứt	Dọc (N)	556.9	
		Ngang (N)	359.7	
	Độ giãn nứt (%)	Dọc	TCVN 1754:1986,	40.2
		Ngang		47.4
4	Mật độ	Dọc (Sợi/10cm)	TCVN 1753:2008	995
		Ngang (sợi/10cm)		455
5	Khối lượng thực tế (g/m ²)	TCVN 8042:2009	121.2	
6	Thay đổi kích thước sau giặt 40 độ C và là khô (%)	Dọc	TCVN 8041:2009	-0.1
		Ngang		-0.2
7	Độ bền màu giặt: 40 độ C (cấp)	TCVN 7835-C10:2007	≥ 4	
8	Độ đều màu	TCVN 7835-C10:2007	1.05	
9	Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg)	TCVN 7421:2013	Không phát hiện	

10	Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg)	ISO 14362-1:2007	Không phát hiện
----	--	------------------	-----------------

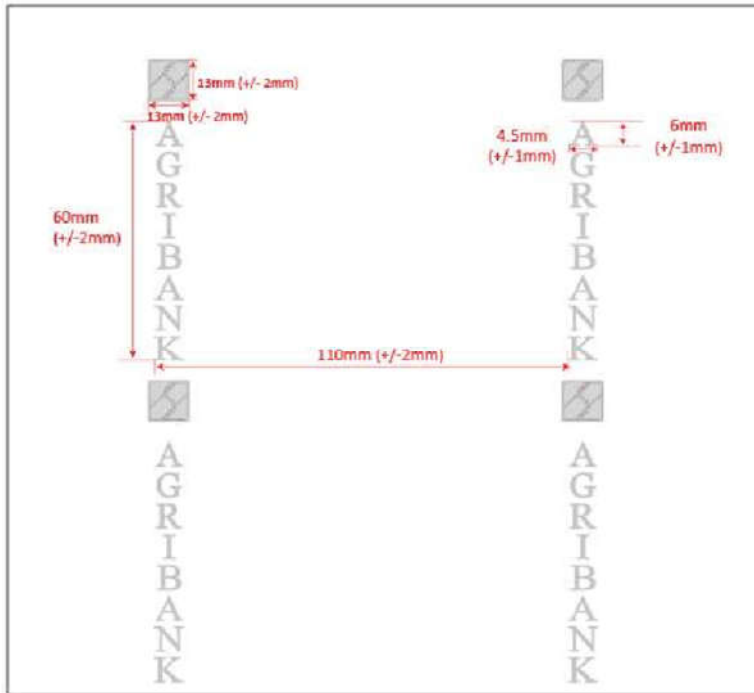
*** Thông số chất liệu vải quần màu vàng áo dài**

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả
1	Thành phần nguyên liệu		100% Polyester
2	Kiểu dệt	TCVN 4897:1989	Vân đoạn biến đổi
3	Độ bền kéo đứt	Dọc (N)	1254.3
		Ngang (N)	285.6
	Độ giãn nứt (%)	Dọc	35.8
		Ngang	42.2
4	Mật độ	Dọc (Sợi /10cm)	1080
		Ngang (Sợi /10cm)	384
5	Khối lượng thực tế (g/m ²)	TCVN 8042:2009	137.4
6	Thay đổi kích thước sau giặt 40 độ C và là khô (%)	Dọc	-0.4
		Ngang	-0.3
7	Độ bền màu giặt: 40 độ C (cấp)	TCVN 7835-C10:2007	≥ 4
8	Độ đều màu	ISO 105 J01:1997	0.91
9	Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg)	TCVN 7421-1:2013	Không phát hiện
10	Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg)	ISO 14362-1:2017	Không phát hiện

*** Kiểu dệt vải sơ mi Nam, Nữ:**

- Kiểu dệt: Giác-ca logo và chữ AGRIBANK
- Kích thước logo 13mm x 13mm (+/-2)
- Kích thước chữ: ngang 4,5mm x cao 6mm (+/-1)

- Chiều cao chữ AGRIBANK: 60mm (+/-2)
- Khoảng cách giữa 2 đường dẹt: 110mm (+/-2)



Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Thời gian kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa: Bên chủ đầu tư tiến hành kiểm tra, và thử nghiệm hàng hóa tại thời điểm bàn giao. Nếu hàng hóa không đạt yêu cầu như trong E-HSMT đã yêu cầu thì bên chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng. Và bên nhà thầu phải có biện pháp thay thế hàng hóa khác có chất lượng tương đương hoặc cao hơn nhưng phù hợp nhưng phải được bên Chủ đầu tư chấp nhận. Nếu không đáp ứng được và không đảm bảo thời gian thực hiện hợp đồng thì bên nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thiệt hại do bên mình gây ra